

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 11-9-2019

*“V/v tranh chấp về hôn nhân gia
đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài
sản khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Phường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Văn Thanh;

2. Ông Nguyễn Văn Tuấn;

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Jét - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Sáng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 tháng 8 và ngày 11 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 204/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị U**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: Ông **Ngô Đông K**, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp A, xã T, huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp.

*(Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt
tại phiên tòa không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, ý kiến tại biên bản hòa giải không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Trần Thị Út trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông K do mai mối và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 1987 và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2000. Thời gian đầu bà U và ông K chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian gần đây thường xuyên xảy ra mâu thuẫn về chuyện tình cảm. Bà U nhận thấy ông K thay đổi không còn yêu thương bà và con như trước. Bà U vì thương con nên cố gắng chịu đựng mong chờ ông K thay đổi, gần đây tình cảm vợ chồng lại phát sinh mâu thuẫn bà U và ông K mâu thuẫn nhau từ những chuyện rất nhỏ làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng. Ông K có người phụ nữ khác bên ngoài nên bỏ bê, không chăm sóc mẹ, con bà U như trước. Vợ chồng bà U ly thân cách đây khoảng 02 năm nay. Trong quá trình ly thân, không ai nói chuyện với ai, công việc ai người đó làm, ông K thường hay đi đi về về nhà nhưng ông K thường hay về buổi tối rồi sáng lại đi tiếp. Bà U có nói cho ông K biết bà nộp đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu ly hôn với ông K thì ông K nói là lỗi do ông K nên bà U muốn ly hôn thì ông K cũng đồng ý nhưng gì ông K không muốn đến Tòa án nên không chịu tham gia phiên tòa. Việc ông K thường hay đi đi về về tại địa chỉ ấp A, xã T thì đã được Công an xã T xác nhận và có con chung tên H chứng kiến biết việc này.

Nay bà U nhận thấy hạnh phúc hôn nhân không còn nếu kéo được nữa, cuộc sống hôn nhân không còn được hạnh phúc. Nay bà U yêu cầu xin được ly hôn với ông Ngô Đông K. Bà U chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông K, không yêu cầu Tòa án xử lý hình sự gì đối với ông K.

- Về quan hệ nuôi con: Vợ chồng có 01 con chung tên Ngô Ngọc Như H, sinh ngày 10/7/1995. Hiện con chung đang chung sống cùng với bà U. Theo đơn khởi kiện thì bà U yêu cầu khi ly hôn bà U yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, tại phiên không tiến hành hòa giải được và tại phiên tòa bà U thay đổi yêu cầu là về con chung đã trưởng thành, phát triển thể chất và tinh thần bình thường và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

Ngoài ra, bà U không còn trình bày hoặc yêu cầu gì khác.

* Bị đơn ông Ngô Đông K mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do đương sự cung cấp gồm:*

1. Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính);
2. Giấy khai sinh con chung (bản sao);
3. Giấy CMND và sổ hộ khẩu (bản photo);
4. Xác nhận của Công an xã T;
5. Văn bản ý kiến của con chung.

** Tài liệu chứng cứ trong hồ sơ do Tòa án thu thập gồm:* Biên bản lấy lời khai đương sự.

Các tài liệu trong hồ sơ đương sự thống nhất theo biên bản phiên họp công khai và tiếp cận chứng cứ ngày 11/7/2019.

** Các tình tiết, sự kiện trong vụ án các bên đương sự thống nhất:* Không.

** Các tình tiết mà các bên đương sự không thống nhất:* Toàn bộ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào đơn khởi kiện ly hôn của bà Trần Thị U về việc yêu cầu được ly hôn với ông Ngô Đông K, ngoài ra các đương sự không còn yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật của vụ án này là “*Tranh chấp về hôn nhân gia đình xin ly hôn, nuôi con, chia tài sản khi ly hôn*”.

[2] Về thẩm quyền, Hội đồng xét xử xét thấy: Tranh chấp trên giữa các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn hiện nay đang cư trú tại ấp A, xã Thuyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tố tụng:

- Theo quyết định hoãn phiên tòa số 104/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 thì Hội thẩm nhân dân chính thức là ông Mai Văn Thanh và ông Lê Văn Vững. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay do ông Vững bận đi công tác đột xuất nên không thể tham gia phiên tòa được thay thế bằng ông Nguyễn Văn Tuấn là Hội thẩm nhân dân dự khuyết. Đương sự có mặt thống nhất việc thay đổi này và không yêu cầu thay đổi ai trong những người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

- Ngoài ra, tại phiên tòa bị đơn ông Ngô Đông K mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt ông K.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà U và ông K do mai mối, được hai bên gia đình tổ chức đám cưới vào năm 1987 và được UBND xã T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 25/12/2000. Quan hệ hôn nhân giữa bà U và ông K được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, theo bà U trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc nhưng thời gian gần đây do ông K có người phụ nữ khác nên không còn thương yêu bà U và con như trước. Vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và cãi nhau làm cho không khí gia đình lúc nào cũng căng thẳng vì thương con nên bà U đã cố gắng chịu đựng mong chờ ông K thay đổi nhưng ông K vẫn không thay đổi. Bà U và ông K đã ly thân nhau từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian ly thân này, cả bà U và ông K đều không có ý định hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai, điều này cho thấy hôn nhân giữa hai người không đạt được mục đích và đời sống chung không thể kéo dài. Đồng thời, lời trình bày của bà U phù hợp với lời khai của người làm chứng anh Võ Tấn T và chị Ngô Ngọc Như H. Hơn nữa, ông K mặc dù đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm và cũng không có văn bản ý kiến gì, điều này cho thấy ông K không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà U.

- Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống bà U và ông K có 01 con chung tên Ngô Ngọc Như H, sinh ngày 10/7/1995. Hiện con chung đang chung sống cùng với bà U. Đối với con chung tên H đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được và bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ tài sản: Vợ chồng bà U và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

- Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, bà U xác định ngoài lời trình bày và các chứng cứ đã nộp cho Tòa án ra, thì bà U không còn chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu của mình và cũng không yêu cầu Tòa án thu thập thêm chứng cứ nào khác. Đồng thời, theo bà U trình bày là trong các nguyên nhân dẫn đến bà U xin ly hôn với ông K có một nguyên nhân là do ông K có quen người phụ nữ khác không chung thủy với bà U. Đối với việc này bà U không yêu cầu Tòa án xử lý đối với hành vi vi phạm chế độ một vợ, một chồng của ông K nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[6] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà U về việc yêu cầu được ly hôn với ông K.

[7] Xét thấy: Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tháp Mười phát biểu về việc bảo đảm việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành tốt pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, cũng như việc chấp hành các quy định về tố tụng dân sự và thực hiện các quyền, nghĩa vụ về tố tụng dân sự của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án được thực hiện đúng và đầy đủ, nên Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét và tiếp tục tiến hành phiên tòa theo thủ tục chung. Về nội dung vụ án, vị đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, thì bà U phải nộp tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị U.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị U được ly hôn với ông Ngô Đông K.

2. Về quan hệ nuôi con: Quá trình chung sống bà U và ông K có 01 con chung tên Ngô Ngọc Như H, sinh ngày 10/7/1995. Đối với con chung tên H đã trưởng thành về thể chất, tinh thần phát triển bình thường, tự lao động sinh sống được và bà U không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản: Bà U và ông K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về quan hệ nợ: Không có nợ ai và cũng không cho ai nợ.

5. Về án phí: Bà U phải nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà U đã nộp theo biên lai số 0007731 ngày 11/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười, tỉnh Đồng Tháp. Bà U đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

6. Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tháp Mười;
- CCTHADS huyện Tháp Mười;
- UBND xã Trường X;
- Lưu hồ sơ vụ án: (J).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Minh Phường